

TÌM HIỂU LỊCH SỬ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI TRONG 2000 NĂM

Ngày nhận bài: 10/08/2013

Ngày nhận lại: 15/09/2013

Ngày duyệt đăng: 30/12/2013

Nguyễn Văn Phúc¹

TÓM TẮT

Tăng trưởng kinh tế đã thu hút sự quan tâm của rất nhiều nhà kinh tế học vì một sự khác biệt nhỏ trong tốc độ tăng trưởng giữa hai quốc gia trong một thời gian dài có thể dẫn đến sự chênh lệch rất lớn về sự thịnh vượng. Qua xem xét số liệu tăng trưởng kinh tế thế giới trong 2000 năm qua, bài viết này rút ra các kết luận sau đây. Thứ nhất, trong phần lớn lịch sử, nhân loại nhìn chung sống trong nghèo khổ, tăng trưởng kinh tế nhanh chỉ thật sự diễn ra trong gần 200 năm trở lại đây. Thứ hai, một tốc độ tăng trưởng nhỏ nhưng được duy trì trong một thời gian dài có thể tạo ra khác biệt lớn về kết quả (như Tây Âu giai đoạn 1000-1820). Thứ ba, khả năng bắt kịp tăng trưởng của các nước đang phát triển đối với các nước giàu nhất là vô cùng khó khăn. Sau gần 200 năm công nghiệp hóa, bắt đầu từ năm 1820, thứ bậc các khu vực trên thế giới xét theo GDP bình quân đầu người gần như không hề thay đổi, ngoại trừ Nhật Bản. Hầu hết các nước ngày càng tụt hậu xa hơn so với các nước phương Tây giàu có. Thứ tư, lịch sử cho thấy là tăng trưởng nhanh trong dài hạn là rất khó, rất hiếm quốc gia đạt được tốc độ tăng GDP bình quân đầu người từ 4,0%/năm trở lên trong 40-50 năm liên tục. Kiến nghị rút ra với Việt Nam là chúng ta không nên thúc đẩy tăng trưởng nhanh bằng mọi giá. Tăng trưởng ổn định lâu dài quan trọng hơn là tăng trưởng nhanh nhưng ngắn hạn.

Từ khóa: Tăng trưởng kinh tế, Kinh tế thế giới, Lịch sử kinh tế.

ABSTRACT

Economic growth has attracted many economists because a small difference in growth rates can make a huge difference in prosperity in the long run. By looking at data on world economic growth over 2000 years, the following observations are made. Firstly, the world as a whole had been fairly poor until recently. Rapid growth only took place in the last two hundred years. Secondly, a small difference in growth rates can make a huge difference in prosperity in the long run (e.g., Western Europe over the period 1000-1820). Thirdly, catching up between developing countries and rich countries is very difficult. In the last 200 years, since 1820, the ranking of prosperity by regions has not changed, except for Japan. Most countries have lagged further behind the West. Fourth, rapid economic growth over the long run is rather difficult. Only a few countries could manage to achieve the growth rate of per capita GDP over 4.0% per year for continuous 40-50 years. For Vietnam, the implication is that Vietnam should not push for rapid economic growth at all costs. The more important thing is stable economic growth for the long run rather than short-run fast economic growth.

Keywords: Economic Growth, World Economy, Economic History.

¹ TS, Hiệu trưởng Trường Đại học Mở TP.HCM.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tăng trưởng kinh tế là một trong các chủ đề lâu đời nhất của kinh tế học. Cuốn sách đánh dấu sự ra đời kinh tế học của Adam Smith (Smith, 1776) cũng dành nhiều nội dung nói về tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng kinh tế đã thu hút sự quan tâm của rất nhiều nhà kinh tế học vì một sự khác biệt nhỏ trong tốc độ tăng trưởng giữa hai quốc gia trong một thời gian dài có thể dẫn đến sự chênh lệch rất lớn về sự thịnh vượng. Một trong những mục tiêu chính của phát triển là nâng cao thu nhập của người dân. Không có tăng trưởng kinh tế, chúng ta không thể nâng cao mức sống người dân hay giải quyết những nội dung quan trọng khác của phát triển. Nhà kinh tế học đoạt giải Nobel - Lucas (1988, tr.5) đã từng viết: “Khi một người bắt đầu nghĩ về những điều này (tăng trưởng kinh tế), thật khó có thể nghĩ về bất kỳ điều gì khác”.

Tăng trưởng kinh tế được định nghĩa là sự gia tăng về sản lượng hay thu nhập trong nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định. Tổng sản lượng quốc gia (GDP) hoặc tổng thu nhập quốc gia (GNP) thường được dùng để đo lường sản lượng hay thu nhập được tạo ra trong nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định. Trong lý thuyết kinh tế, tăng trưởng kinh tế được chia thành tăng trưởng ngắn hạn và tăng trưởng dài hạn. Solow (2001) định nghĩa tăng trưởng dài hạn là tăng trưởng được đo lường trong khoảng thời gian dài, ví dụ 30-50 năm. Đối với khoảng thời gian dài như vậy thì tác động của yếu tố chu kỳ được giảm thiểu. Các nhân tố

dài hạn chiếm vai trò quan trọng hơn. Điều quan trọng hơn là nếu một đất nước nào đó có thể duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định trong một thời gian dài thì sẽ tạo ra một kết quả khác biệt rất lớn. Từ phép tính đại số đơn giản, Bảng 1 cho chúng ta thấy là nếu một nền kinh tế tăng trưởng ổn định với tốc độ là 5% bình quân đầu người/năm thì thu nhập bình quân đầu người sẽ tăng 2,7 lần sau 20 năm, 11,5 lần sau 50 năm và 131,5 lần sau 100 năm. Nếu tăng trưởng là 4%/năm thì sự khác biệt với tốc độ 5%/năm sau 20 năm là không nhiều (2,2 lần so với 2,7 lần), nhưng sau 100 năm thì sự khác biệt là rất lớn (50,5 lần so với 131,5 lần). Nếu tăng trưởng là 3%/năm thì sự khác biệt với tốc độ 5%/năm sau 100 năm là vô cùng lớn (19,2 lần so với 131,5 lần). Nói tóm lại, một sự khác biệt nhỏ trong tốc độ tăng trưởng dài hạn sẽ tạo ra một sự khác biệt rất lớn về thu nhập giữa các quốc gia. Do đó, việc duy trì tăng trưởng bền vững trong dài hạn là điều vô cùng quan trọng đối với mỗi quốc gia. Có những quốc gia tạo được tăng trưởng kinh tế nhanh trong một thời gian nhưng sau đó không thể duy trì được trong dài hạn. Có những quốc gia đạt tốc độ tăng trưởng không cao lắm nhưng được duy trì trong một thời gian rất dài nên đạt được mức thu nhập trên đầu người cao. Bài viết này không nhằm giải thích tăng trưởng kinh tế - chủ đề này tác giả đã thực hiện công phu trong một nghiên cứu khác (Nguyen Van Phuc, 2006) mà chủ yếu tác giả muốn xem xét số liệu thống kê tăng trưởng của thế giới trong 2000 năm qua và rút ra các bài học cần thiết.

Bảng 1. Tốc độ tăng GDP bình quân đầu người và số lần tăng lên sau 20 năm, 50 năm và 100 năm của GDP bình quân đầu người

Tốc độ tăng GDP bình quân đầu người/năm	GDP bình quân đầu người 20 năm sau (số lần tăng lên)	GDP bình quân đầu người 50 năm sau (số lần tăng lên)	GDP bình quân đầu người 100 năm sau (số lần tăng lên)
1%	1,2	1,6	2,7
2%	1,5	2,7	7,2
3%	1,8	4,4	19,2
4%	2,2	7,1	50,5
5%	2,7	11,5	131,5
6%	3,2	18,4	339,3
7%	3,9	29,5	867,7
8%	4,7	46,9	2199,8

Đối với Việt Nam, sau khi tiến hành đổi mới kinh tế vào năm 1986, nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng nhanh từ năm 1989. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới (World Development Indicators), nền kinh tế Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng bình quân GDP/đầu người là 5,7%/năm trong giai đoạn 1989-2012. Mặc dù đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh nhưng do xuất phát điểm rất thấp nên hiện tại nền kinh tế Việt Nam cũng chỉ đạt là nước có thu nhập trung bình thấp, còn thua kém hàng chục lần thu nhập bình quân đầu người của các nước phát triển. Những năm gần đây, tăng trưởng đã chậm lại đáng kể (tăng trưởng GDP bình quân đầu người năm 2011 là 4,9%, năm 2012 là 3,9%, năm 2013 khoảng 4,3% so với 7,0% năm 2006 và 7,3% năm 2007) làm dấy lên lo ngại về tính bền vững của tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, nếu nôn nóng thúc đẩy tăng trưởng nhanh bằng mọi giá thì có thể tạo ra tăng trưởng nhanh ngắn hạn nhưng để lại hậu quả dài hạn. Bài viết này, bằng lịch sử tăng trưởng của thế giới, muốn làm sáng tỏ các vấn đề sau: i) tăng trưởng nhanh trong thời gian dài dễ hay khó?; ii) khả năng bắt kịp tăng trưởng của các nước đang phát triển đối với các nước giàu thế nào?, từ đó rút ra các bài học cho Việt Nam.

2. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 1-2000 NĂM

Bảng 2 trình bày số liệu về tăng trưởng GDP bình quân đầu người trong gần 2000 năm qua cho các khu vực chính trên thế giới. Về phương pháp tính cụ thể, xin vui lòng xem chi tiết trong Maddison (2001, 2003). Trong 1000 năm đầu tiên (0-1000, A.D.), thế giới nhìn chung không hề tăng trưởng (tốc độ 0,00%/năm). GDP bình quân đầu người (theo giá cố định Dollar quốc tế năm 1990) là 444 vào năm Công nguyên, 1000 năm sau là 435. Xét theo từng khu vực thì gần như không có khu vực nào có sự tăng trưởng đáng kể, một số khu vực thậm chí giảm. Vào năm Công nguyên, thế giới rất nghèo, thì một ngàn năm sau, thế giới vẫn nghèo như vậy. Trong 1000 năm tiếp theo, giai đoạn 1000-1820, thế giới có tăng trưởng nhưng ở tốc độ rất thấp, bình quân chỉ đạt 0,05%/năm. Đây là tốc độ vô cùng thấp xét theo tiêu chuẩn ngày nay. Trong giai đoạn này, chỉ có Tây Âu và Tây Âu nổi dài (bao gồm các nước Mỹ, Canada, Úc, New Zealand) có tốc độ tăng trưởng dương một chút (0,14%/năm và 0,13%/năm), các khu vực còn lại tăng trưởng gần bằng 0. Nhờ có

tốc độ tăng trưởng, mặc dù rất nhỏ, nhưng được duy trì trong thời gian dài nên GDP bình quân đầu người của Tây Âu và Tây Âu nổi dài tăng gấp 3 lần năm 1820 so với năm 1000. Tăng trưởng nhanh của thế giới chỉ thật sự diễn ra từ năm 1820 – là năm được cho là khởi đầu của cách mạng công nghiệp ở Anh – đến ngày nay. Tăng trưởng GDP bình quân của thế giới giai đoạn 1820-1998 là 1,21%/năm. Tây Âu, Tây Âu nổi dài và Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất. GDP bình quân đầu người của thế giới tăng 8,6 lần giai đoạn 1820-1998, trong đó Nhật Bản tăng 30,5 lần, Tây Âu tăng 14,5 lần và Tây Âu nổi dài tăng 21,8 lần. Các khu vực khác cũng có tăng trưởng

nhưng với tốc độ thấp hơn nhiều so với các nước trên. Kết quả là GDP bình quân đầu người các khu vực này thấp hơn nhiều lần so với Tây Âu, Tây Âu nổi dài và Nhật Bản. Trong giai đoạn tăng trưởng nhanh, về mặt thứ tự xếp theo GDP bình quân đầu người các khu vực gần như không thay đổi, ngoại trừ Nhật Bản. Vào năm 1820, Tây Âu và Tây Âu nổi dài có GDP bình quân đầu người cao nhất, kế đến là Nhật Bản, Đông Âu và Nga, châu Mỹ Latinh, rồi đến châu Á (trừ Nhật Bản), đứng cuối là châu Phi. Vào năm 1998, thứ tự trên cơ bản vẫn như vậy, ngoại trừ Nhật Bản đã vươn lên vượt qua Tây Âu.

Bảng 2. GDP và tăng trưởng GDP bình quân trên đầu người/năm giai đoạn 0-1998 năm

Khu vực/năm	0	1000	1820	1998	1000- 0-1000	1820	1820- 1998
	Theo giá Dollar quốc tế 1990				Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm, %		
Tây Âu	450	400	1232	17921	-0,01	0,14	1,51
Tây Âu nổi dài	400	400	1201	26146	0,00	0,13	1,75
Nhật Bản	400	425	669	20413	0,01	0,06	1,93
Nhóm A	443	405	1130	21470	-0,01	0,13	1,67
Châu Mỹ Latinh	400	400	665	5795	0,00	0,06	1,22
Đông Âu và Nga	400	400	667	4354	0,00	0,06	1,06
Châu Á (trừ Nhật Bản)	450	450	575	2936	0,00	0,03	0,92
Châu Phi	425	416	418	1368	0,00	0,00	0,67
Nhóm B	444	440	573	3102	0,00	0,03	0,95
Thế giới	444	435	667	5709	0,00	0,05	1,21

Nguồn: Maddison (2001).

Ghi chú: Trong bài viết này, (i) Tây Âu nổi dài bao gồm các nước sau: Mỹ, Canada, Úc, New Zealand; (ii) nước Nga bao gồm nước Nga hiện nay và các nước thuộc Liên Xô cũ trước đây.

Bảng 3. Tăng trưởng GDP bình quân trên đầu người/năm giai đoạn 1000-1820

Khu vực/năm	1000-1500	1500-1600	1600-1700	1700-1820
Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm, %				
Tây Âu	0,13	0,14	0,15	0,15
Tây Âu nổi dài	0,00	0,00	0,17	0,78
Nhật Bản	0,03	0,03	0,09	0,13
Châu Mỹ Latinh	0,01	0,09	0,19	0,19
Đông Âu và Nga	0,04	0,10	0,10	0,10
Châu Á (trừ Nhật Bản)	0,05	0,01	-0,01	0,01
Châu Phi	-0,01	0,00	0,00	0,04

Nguồn: Maddison (2001).

Bảng 3 xem xét chi tiết hơn tăng trưởng giai đoạn 1000-1820. Trong giai đoạn 1000-1500, chỉ có Tây Âu là có tốc độ tăng trưởng dương một chút, đạt trung bình 0,13%/năm. Các khu vực khác hầu như không tăng trưởng. Trong hơn ba thế kỷ tiếp theo, Tây Âu tiếp tục tăng trưởng ổn định, với 0,14%/năm giai đoạn 1500-1600 và 0,15%/năm giai đoạn 1600-1820. Kết quả là GDP bình quân đầu người của Tây Âu tăng lên khoảng ba lần giai đoạn 1000-1820 và vượt xa các khu vực khác (trừ Tây Âu nổi dài) về thu nhập trên đầu người vào năm 1820 (xem bảng 4). Vào năm 1500, trước khi Tây Âu thực hiện việc xâm chiếm thuộc địa thì số liệu cho thấy là thu nhập trên đầu người của họ đã tương đối cao hơn các khu vực khác. Khu vực Tây Âu nổi dài bắt đầu có tăng trưởng từ giai đoạn 1600-1700 và tăng trưởng tương

đối khá ở giai đoạn 1700-1820. Kết quả là đến năm 1820, GDP bình quân đầu người của khu vực này ngang bằng với Tây Âu. Đây là khu vực duy nhất đuổi kịp Tây Âu và duy trì vị thế đó cho đến ngày nay. Khu vực châu Mỹ Latinh, Đông Âu và Nga có tăng trưởng chút ít giai đoạn 1500-1820 nhưng thấp hơn Tây Âu. Khu vực châu Á (ngoại trừ Nhật Bản) và châu Phi thì không có tăng trưởng. Kết quả là hai khu vực này có GDP trên đầu người thấp nhất vào năm 1820. Một nhận xét quan trọng rút ra từ đây là: một tốc độ tăng trưởng nhỏ nhưng được duy trì trong một thời gian dài có thể tạo ra khác biệt lớn về kết quả (như Tây Âu giai đoạn 1000-1820, Tây Âu nổi dài giai đoạn 1600-1820). Các nước Tây Âu và Tây Âu nổi dài đã tương đối giàu có hơn các nước khác khi họ bước vào giai đoạn công nghiệp hóa sau năm 1820.

Bảng 4. GDP bình quân trên đầu người/năm giai đoạn 1000-1820, các khu vực trên thế giới

Khu vực/năm	1000	1500	1600	1700	1820
Theo giá Dollar quốc tế 1990					
Tây Âu	400	771	890	998	1204
Tây Âu nổi dài	400	400	400	476	1202
Nhật Bản	425	500	520	570	669
Châu Mỹ Latinh	400	416	438	527	692
Đông Âu	400	496	548	606	683

Khu vực/năm	1000	1500	1600	1700	1820
Theo giá Dollar quốc tế 1990					
Nga	400	499	552	610	688
Châu Á (trừ Nhật Bản)	450	572	575	571	577
Châu Phi	416	414	422	421	420

Nguồn: Maddison (2003).

Như vậy, trong suốt 2000 năm qua thì tăng trưởng thật sự đáng kể chỉ xảy ra sau năm 1820. Tìm hiểu chi tiết tăng trưởng giai đoạn 1820-2001, số liệu bảng 5 cho thấy là có sự tăng trưởng không đều giữa các khu vực và các giai đoạn khác nhau. Giai đoạn 1820-70, Tây Âu và Tây Âu nổi dài bước vào giai đoạn công nghiệp hóa và có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn đáng kể so với trước đây và so với các khu vực khác. Các khu vực khác của châu Âu (Đông Âu và Nga) cũng bắt đầu có bước tăng trưởng đáng kể. Các khu vực còn lại tăng trưởng rất thấp hoặc thậm chí là thụt lùi. Giai đoạn 1870-1913, các nước Tây Âu, Tây Âu nổi dài tiếp tục tăng trưởng khá tốt, với tốc độ tăng cao hơn giai đoạn trước đó 1820-70. Nhật Bản cũng bắt đầu tăng trưởng nhanh (đây là giai đoạn cải cách của Minh Trị). Các khu vực khác của châu Âu (Đông Âu và Nga) bắt đầu tăng

trưởng nhanh hơn trước. Châu Mỹ Latinh cũng bắt đầu có tăng trưởng khá nhanh. Châu Á và châu Phi vẫn còn tăng trưởng rất thấp. Giai đoạn 1870-1913, tăng trưởng chung của thế giới đạt 1,30%/năm, cao hơn nhiều tốc độ 0,54%/năm giai đoạn 1820-70. Giai đoạn 1913-1950 chứng kiến hai cuộc chiến tranh thế giới nên tăng trưởng chậm lại, tăng trưởng chung của thế giới chỉ đạt 0,88%/năm, thấp hơn đáng kể giai đoạn 1870-1913. Ở giai đoạn này, Tây Âu bị ảnh hưởng nặng hơn do là nơi diễn ra chủ yếu của hai cuộc chiến tranh thế giới. Tây Âu nổi dài (cụ thể là Mỹ) có bước phát triển bứt phá do ít bị ảnh hưởng của chiến tranh mặc dù có gánh chịu cuộc Đại suy thoái năm 1929-1933. Nước Nga, sau này là Liên Xô cũng bắt đầu công nghiệp hóa nhanh. Châu Mỹ Latinh cũng có tốc độ phát triển tốt. Châu Phi có bước cải thiện nhỏ. Châu Á (trừ Nhật Bản) tiếp tục trì trệ.

Bảng 5. Tăng trưởng GDP bình quân trên đầu người/năm giai đoạn 1820-2001

Khu vực/năm	1820-70	1870-1913	1913-50	1950-73	1973-2001
Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm, %					
Tây Âu	0,98	1,33	0,76	4,05	1,88
Tây Âu nổi dài:					
+ Mỹ	1,34	1,82	1,61	2,45	1,86
Nhật Bản	0,19	1,48	0,88	8,06	2,14
Đông Âu	0,63	1,39	0,60	3,81	0,68
Nga	0,63	1,06	1,76	3,35	-0,96
Châu Mỹ Latinh	-0,03	1,82	1,43	2,58	0,91
Châu Á (trừ					
Nhật Bản):	-0,10	0,42	-0,10	2,91	3,55
+ Trung Quốc	-0,25	0,10	-0,62	2,86	5,32

Khu vực/năm	1820-70	1870-1913	1913-50	1950-73	1973-2001
Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm, %					
+ Ấn Độ	0,00	0,54	-0,22	1,40	3,01
Châu Phi	0,35	0,57	0,92	2,00	0,19
Thế giới	0,54	1,30	0,88	2,92	1,41

Nguồn: Maddison (2003).

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, thế giới bước vào thời kỳ tăng trưởng nhanh nhất trong lịch sử, đạt tốc độ tăng GDP bình quân đầu người là 2,92%/năm cho giai đoạn 1950-73. Đây được gọi là giai đoạn tăng trưởng vàng (golden age). Tăng trưởng nhanh nhất là Nhật Bản với tốc độ 8,06%/năm, kế đến là Tây Âu 4,06%/năm. Tất cả các khu vực khác đều có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn nhiều so với trước đó. Hầu hết các nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh đã giành được độc lập và tiến hành quá trình công nghiệp hóa và đã thu được những thành quả ban đầu. Sau năm 1973, thế giới tăng trưởng chậm lại đáng kể. Những năm 1970s chứng kiến hai cuộc khủng hoảng dầu hỏa làm giá dầu tăng đột biến. Thập niên 1980s là khủng hoảng nợ ở các nước Mỹ Latinh. Thập niên 1990s chứng kiến cuộc khủng hoảng tài chính Đông Á. Trong giai đoạn 1973-2001, tăng trưởng GDP bình quân đầu người của thế giới đạt 1,41%/năm, chỉ bằng một phần hai của giai đoạn 1950-73. Tây Âu và Nhật Bản không còn tăng trưởng nhanh nữa. Tăng trưởng của châu Mỹ Latinh và Châu Phi giảm rất mạnh. Khu vực Đông Âu và Nga cũng gặp khó khăn tương tự. Chỉ có châu Á là bắt đầu có tăng trưởng nhanh đáng kể. Các nền kinh tế Đông Á được gọi là con hổ như Hàn

Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Xin-ga-po, Ma-lay-xi-a, Thái Lan đã tăng trưởng rất nhanh, kế tiếp là Trung Quốc và Ấn Độ trong các thập niên kế tiếp. Mặc dù châu Á và một số khu vực khác đạt được tốc độ tăng trưởng cao sau năm 1950 nhưng thứ bậc giữa các khu vực gần như không hề thay đổi sau 180 năm công nghiệp hóa của thế giới: Các nước giàu có nhất vào năm 1820 vẫn tiếp tục là các nước giàu có nhất vào năm 2001. Các nước này bao gồm Tây Âu và Tây Âu nổi dài. Ngoại lệ duy nhất là Nhật Bản, là nước đã đuổi kịp các nước Tây Âu. Nhóm giữa là các nước Đông Âu, Nga và châu Mỹ Latinh. Nhóm gần cuối là châu Á (trừ Nhật Bản) và nhóm cuối là châu Phi. Trật tự này không hề thay đổi trong hơn 180 năm qua. Thậm chí khoảng cách giữa các nước giàu nhất và các nước còn lại ngày càng rộng ra (xem bảng 6). Vào năm 1820, GDP bình quân đầu người của Tây Âu cao hơn châu Mỹ Latinh là 1,7 lần, châu Á (trừ Nhật Bản) là 2,1 lần, châu Phi là 2,9 lần; đến năm 1950 các tỉ lệ này lần lượt là 1,8 lần, 7,2 lần và 5,1 lần; đến năm 2001 các tỉ lệ này lần lượt là 3,3 lần, 5,9 lần và 12,9 lần (tính từ số liệu bảng 6). Nhận xét rút ra là hầu hết các nước ngày càng tụt hậu xa hơn so với các nước phương Tây giàu có.

Bảng 6. GDP bình quân trên đầu người/năm giai đoạn 1820-2001, các khu vực trên thế giới

Khu vực/năm	1820	1870	1913	1950	1973	2001
Theo giá Dollar quốc tế 1990						
Tây Âu	1204	1960	3458	4579	11416	19256
Tây Âu nổi dài:	1202	2419	5233	9268	16179	26943

Khu vực/năm	1820	1870	1913	1950	1973	2001
Theo giá Dollar quốc tế 1990						
+ Mỹ	1257	2445	5301	9561	16689	27948
Nhật Bản	669	737	1387	1921	11434	20683
Đông Âu	683	937	1695	2111	4988	6027
Nga	688	943	1488	2841	6059	4626
Châu Mỹ Latinh	692	681	1481	2506	4504	5811
Châu Á (trừ Nhật Bản):	577	550	658	634	1226	3256
+ Trung Quốc	600	530	552	439	839	3583
+ Ấn Độ	533	533	673	619	853	1957
Châu Phi	420	500	637	894	1410	1489
Thế giới	667	875	1525	2111	4091	6049

Nguồn: Maddison (2003).

Từ kết quả trên, xin rút ra các nhận xét sau đây: i) Trong phần lớn lịch sử, nhân loại nhìn chung sống trong nghèo khổ, tăng trưởng kinh tế nhanh chỉ thật sự diễn ra trong gần 200 năm trở lại đây; ii) Giai đoạn 1820-1998 mặc dù có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong lịch sử nhân loại nhưng cũng chỉ đạt trung bình 1,21%/năm GDP/đầu người, đây là một tốc độ tương đối thấp so với tiêu chuẩn ngày nay; iii) Một tốc độ tăng trưởng nhỏ nhưng được duy trì trong một thời gian dài có thể tạo ra khác biệt lớn về kết quả (như Tây Âu giai đoạn 1000-1820); iv) Sau gần 200 năm công nghiệp hóa, bắt đầu từ năm 1820, thứ bậc các khu vực trên thế giới xét theo GDP bình quân đầu người gần như không hề thay đổi, ngoại trừ Nhật Bản. Gần như không có khu vực nào, nước nào bắt kịp sự giàu có của Tây Âu và Tây Âu nổi dài, ngoại trừ Nhật Bản. Hầu hết các nước ngày càng tụt hậu xa hơn so với các nước phương Tây giàu có. Từ đây rút ra kết luận là khả năng bắt kịp tăng trưởng của các nước đang phát triển đối với các nước giàu nhất là vô cùng khó khăn. Trong lịch sử đến ngày nay chỉ có Nhật Bản là làm được điều này. Muốn bắt kịp các nước giàu thì nước đang phát triển phải tăng trưởng

nhANH trong một thời gian dài. Điều này dẫn chúng ta đến một câu hỏi quan trọng có liên quan khác là: tăng trưởng nhanh trong thời gian dài dễ hay khó?

3. TĂNG TRƯỞNG NHANH TRONG THỜI GIAN DÀI DỄ HAY KHÓ?

Nhà kinh tế học Maddison (2001, 2003, 2008) cho rằng một tốc độ tăng trưởng ổn định lâu dài quyết định đến sự thịnh vượng. Ông cho rằng Tây Âu và Tây Âu nổi dài là những nước giàu có nhất ngày nay bởi vì họ duy trì được sự tăng trưởng ổn định trong hàng thế kỷ. Tốc độ tăng trưởng của họ là không cao (so với một số nước Đông Á trong các thập niên gần đây) nhưng được duy trì trong thời gian rất dài là mấu chốt của sự thành công. Trong hơn 60 năm qua, có những nước ban đầu có tốc độ tăng trưởng rất nhanh, nhưng sau đó không duy trì được tốc độ này, dẫn đến bị tụt hậu. Điều này cho thấy tầm quan trọng của tăng trưởng ổn định lâu dài, như câu nói dân gian của Việt Nam: “ngựa chạy đường dài mới biết ngựa hay”. Phần này muốn tìm hiểu xem qua số liệu tăng trưởng của thế giới có bao nhiêu nước đã duy trì được tăng trưởng nhanh trong thời gian

dài. Solow (2001) định nghĩa tăng trưởng dài hạn là tăng trưởng được đo lường trong khoảng thời gian dài, ví dụ 30-50 năm. Ở đây, chúng ta chọn tối thiểu là 30 năm để xem một nước có duy trì được tăng trưởng cao trong suốt 30 năm trở lên hay không.

Như đã đề cập, trước năm 1820 thế giới tăng trưởng rất thấp. Maddison (2001, 2003) có số liệu chi tiết tốc độ tăng trưởng cho phần lớn các nước Tây Âu và các nước khác như Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Ấn Độ, Mê-hi-cô cho thấy rằng gần như không có nước nào đạt được tốc độ tăng trưởng quá 0,5%/năm giai đoạn 1500-1820, không có nước nào đạt được tăng trưởng quá 2%/năm cho từng giai đoạn 1820-70 và 1870-1913 (trừ Mê-hi-cô giai đoạn 1870-1913 đạt 2,22%/năm), không có nước nào đạt được tăng trưởng quá 2,5%/năm cho giai đoạn 1913-50. Trong giai đoạn tăng trưởng vàng son 1950-73, trong các nước giàu chỉ có Nhật Bản, Đức, Áo, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha đạt được tốc độ tăng GDP bình quân đầu người từ 5,0%/năm trở lên. Các nước đạt tốc độ tăng trưởng từ 4,0%/năm trở lên có Pháp và Phần Lan. Trong giai đoạn này, Mỹ chỉ đạt tốc độ tăng trưởng 2,45%/năm. Tuy nhiên, bước sang giai đoạn 1973-2001, không có nước nào kể trên đạt được tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người quá 3,0%/năm.

Đối với các nước đang phát triển, các nước này chỉ thật sự có tăng trưởng cao ở những thập niên sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Sử dụng số liệu thống kê của Ngân hàng Thế giới về tăng trưởng GDP bình quân đầu người có được từ năm 1960 đến nay chúng ta sẽ xem coi có nước nào đạt được tăng trưởng GDP bình quân đầu người liên tục trong ba thập niên từ 3,0%/năm trở lên (xem World Development Indicators, World Bank). Đối tượng xem xét là tất cả các nước – phát triển và đang phát triển – với qui mô dân số từ một triệu người trở lên. Trong giai đoạn 1960-2010, các nước

có tốc độ tăng GDP bình quân đầu người từ 5,0%/năm trở lên trong ba thập niên liên tục là: Botswana (giai đoạn 1961-90), Trung Quốc (1981-2010), Hàn Quốc (1961-2000), Xin-ga-po (1961-1990) (Ngân hàng Thế giới không có số liệu của Đài Loan nhưng có lẽ Đài Loan nằm trong nhóm này). Các nước trên đều nằm ở khu vực Đông Á, trừ Botswana, đây là nước nhỏ ở châu Phi, với dân số chưa đến hai triệu người, nền kinh tế chủ yếu dựa vào khai thác các mỏ kim loại quý. Các nước có tốc độ tăng GDP bình quân đầu người từ 4,0%/năm trở lên trong ba thập niên liên tục là: Ma-lay-sia (1961-2000), Thái Lan (1961-1990). Các nước có tốc độ tăng GDP bình quân đầu người từ 3,0%/năm trở lên trong ba thập niên liên tục là: Hồng Kông (1961-1990), In-dô-nê-xi-a (1971-2010), Ấn Độ (1981-2010), Nhật Bản (1961-1990), Bồ Đào Nha (1961-1990). Nhận xét rút ra là, từ năm 1960 đến nay, trong tất cả các nước trên thế giới với dân số từ một triệu người trở lên, những nước đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh (GDP bình quân đầu người tăng từ 3,0%/năm trở lên) trong ba thập niên liên tục là rất ít, chủ yếu nằm ở Đông Á. Điều này dẫn đến cái gọi là “Sự thần kỳ Đông Á” (xem World Bank, 1993) mà Ngân hàng Thế giới đã đề cập. Tuy nhiên, Đông Á gặp phải khủng hoảng tài chính nghiêm trọng năm 1997-1998 và từ đó đến nay, tốc độ tăng trưởng của các nền kinh tế Đông Á cũng chậm lại rất nhiều. Ngoại trừ Trung Quốc, không còn nước nào giữ được tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người quá 4,0%/năm trong giai đoạn 2001-2010. Ngay cả Trung Quốc, tốc độ tăng trưởng đã chậm lại đáng kể trong những năm gần đây. Trong lịch sử có những nước đạt được tăng trưởng cao trong một hay thập niên nhưng sau đó không duy trì được lâu. Một số nước nôn nóng muốn đạt được tăng trưởng cao nên đã vay nợ nhiều để đầu tư, kết quả tạo ra

được tăng trưởng cao một thời gian nhưng không bền vững, tạo ra gánh nặng nợ nần sau đó. Ví dụ như: Bra-xin đạt tăng trưởng GDP trên đầu người 6,0%/năm thập niên 1971-1980 nhưng sang thập niên 1981-1990 có tốc độ tăng trưởng âm 0,4%/năm; Mê-hi-cô đạt tăng trưởng GDP trên đầu người 3,7%/năm thập niên 1971-1980 nhưng sang thập niên 1981-1990 có tốc độ tăng trưởng âm 0,2%/năm, Ác-hen-ti-na đạt tăng trưởng GDP trên đầu người 2,4%/năm thập niên 1961-1970 nhưng sang thập niên 1981-1990 có tốc độ tăng trưởng âm 2,8%/năm,... Ngay cả như Nhật Bản đạt được tốc độ tăng trưởng rất cao trong giai đoạn 1950-90 nhưng không thể duy trì sau đó. Tăng trưởng GDP trên đầu người của Nhật Bản chỉ đạt 0,9%/năm trong giai đoạn 1991-2000 và 0,7%/năm trong giai đoạn 2001-2010. Từ lịch sử tăng trưởng như trên, có thể rút ra nhận xét là tăng trưởng nhanh trong dài hạn là rất khó. Trong lịch sử rất hiếm quốc gia đạt được tốc độ tăng GDP bình quân đầu người từ 4,0%/năm trở lên trong 40-50 năm liên tục. Thông thường khi xuất phát điểm thấp, các nước có thể tăng trưởng nhanh, nhưng khi đạt đến một mức nào đó thì tăng trưởng trở nên khó khăn hơn rất nhiều. Barro và Sala-i-martin (1995) giải thích điều này là do quy luật lợi tức biên giảm dần theo tích tụ vốn. Ngoài ra, ở trình độ thấp tăng trưởng chủ yếu là bắt chước (imitation) dễ hơn nhiều tăng trưởng ở trình độ cao chủ yếu do sáng tạo (innovation).

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua xem xét số liệu tăng trưởng kinh tế thế giới trong 2000 năm qua, xin rút ra các kết luận sau đây. Thứ nhất, trong phần lớn lịch sử, nhân loại nhìn chung sống trong nghèo khổ, tăng trưởng kinh tế nhanh chỉ thật sự diễn ra trong gần 200 năm trở lại đây. Thứ hai, một tốc độ tăng trưởng nhỏ nhưng được duy trì trong một thời gian dài có thể tạo ra khác biệt lớn về kết quả (như Tây Âu giai đoạn 1000-1820). Như vậy, tăng trưởng ổn định lâu dài quan trọng hơn là tăng trưởng nhanh nhưng ngắn hạn. Thứ ba, khả năng bắt kịp tăng trưởng của các nước đang phát triển đối với các nước giàu nhất là vô cùng khó khăn. Sau gần 200 năm công nghiệp hóa, bắt đầu từ năm 1820, thứ bậc các khu vực trên thế giới xét theo GDP bình quân đầu người gần như không hề thay đổi, ngoại trừ Nhật Bản. Hầu hết các nước ngày càng tụt hậu xa hơn so với các nước phương Tây giàu có. Thứ tư, lịch sử cho thấy là tăng trưởng nhanh trong dài hạn là rất khó, rất hiếm quốc gia đạt được tốc độ tăng GDP bình quân đầu người từ 4,0%/năm trở lên trong 40-50 năm liên tục.

Kiến nghị rút ra với Việt Nam là chúng ta không nên thúc đẩy tăng trưởng nhanh bằng mọi giá. Tăng trưởng ổn định lâu dài quan trọng hơn là tăng trưởng nhanh nhưng ngắn hạn. Tăng trưởng những năm gần đây có chậm lại nhưng vẫn là tốc độ tăng trưởng khá tốt. Vấn đề là làm sao duy trì được tốc độ tăng trưởng này liên tục trong vài thập niên tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barro, R. J. and Sala-I-Martin, X. (1995), *Economic Growth*, London: McGraw-Hill.
2. Lucas, R. E. Jr. (1988), 'On the Mechanics of Economic Development', *Journal of Monetary Economics*, Vol. 22, No. 1, pp. 3-42.
3. Maddison, A. (2001), *The World Economy: A Millennial Perspective*, Paris: OECD.
4. Maddison, A. (2003), *The World Economy: Historical Statistics*, Paris: OECD.
5. Maddison, A. (2008), 'The West and the Rest in the World Economy: 1000-2030', *World Economics*, Vol. 9, No. 4, pp. 75-99.
6. Nguyen Van Phuc (2006), *Entrepreneurship, Investment and Economic Growth: The Essential Role of the Entrepreneurial Environment*, Maastricht, the Netherlands: Shaker Publishing BV.
7. Smith, Adam (2000) [original 1776], *The Wealth of Nations*, New York: The Modern Library.
8. Solow, R. M. (2001), 'Applying Growth Theory across Countries', *World Bank Economic Review*, Vol. 15, No. 2, pp. 283-8.
9. World Bank (1993), *The East Asian Miracle: Economic Growth and Public Policy*, New York: Oxford University Press.
10. World Bank (various years), *World Development Indicators*, downloaded at www.worldbank.org.